

Số: 51/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 54/2025/VDS-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn G, phường K, thành phố H.

- Chị Trần Thị Thúy L, sinh năm 1991; địa chỉ: 2 đường N, phường V, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị Thúy L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H) vào ngày 21/01/2013. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hòa hợp. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị Thúy L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thúy L.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thúy L xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Định N, sinh ngày 06/11/2012, cháu

Nguyễn Trần Khánh N1, sinh ngày 06/10/2013 và cháu Nguyễn Trần Khánh N2, sinh ngày 07/5/2019. Hiện nay cháu N, Như đang ở với bố, cháu N2 đang ở với mẹ. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trần Đình N và cháu Nguyễn Trần Khánh N2 cho chị Trần Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Trần Khánh N1 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, Như; không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thúy L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị Thúy L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 7 năm 2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thúy L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Đình N, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Nguyễn Trần Khánh N2, sinh ngày 07/5/2019 cho chị Trần Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi mỗi con chung thành niên, đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Trần Khánh N1, sinh ngày 06/10/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi; không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thúy L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị Thúy L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T, chị L

đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000288 ngày 23/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND khu vực 1 – H;
- THADS thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 1 – H;
- UBND phường Kim Trà;
- (ĐKKH số: 11, ngày 21/01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng